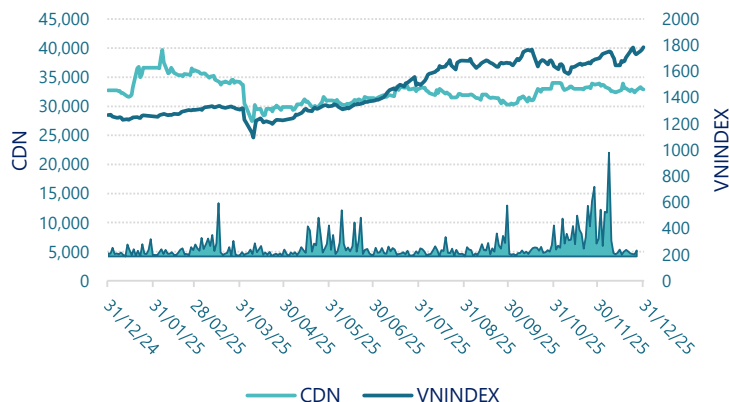




CTCP Cảng Đà Nẵng (HNX: CDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,688
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,454
SL cổ phiếu LH	99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,090
% sở hữu nước ngoài	20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,257
P/E	8.8
EPS	3,722

DT thuần

Q4/25

460

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0 | 10.5%

YoY: ▲ 79.0 | 20.6%

LN sau thuế

Q4/25

75.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 36.4 | -32.5%

YoY: ▲ 3.60 | 5.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

29.2%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

2025

1,656

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 203 | 14.0%

LN sau thuế

2025

368

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 67.0 | 22.3%

ROE

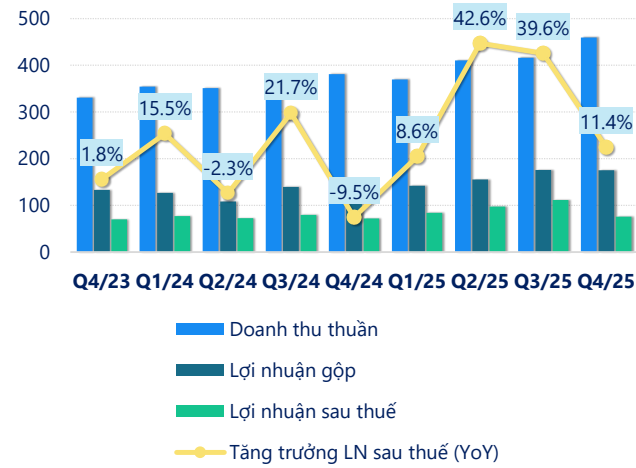
2025

19.0%

+/- YoY: ▲ 1.9%

tỷ VNĐ

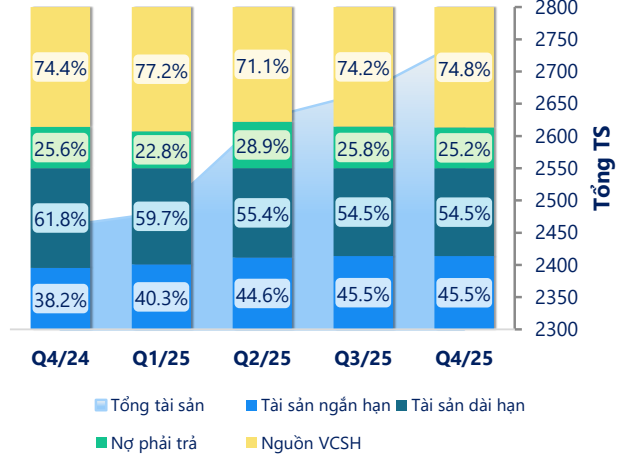
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

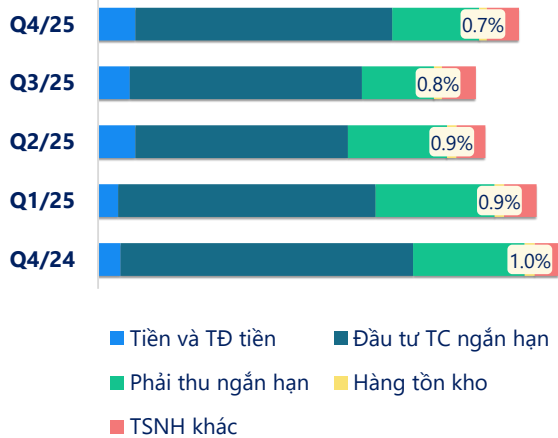
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



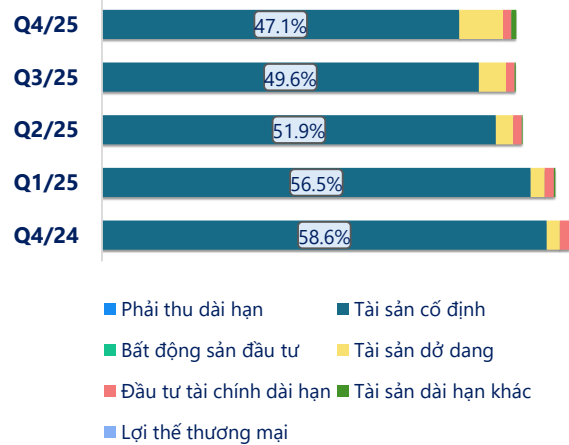
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

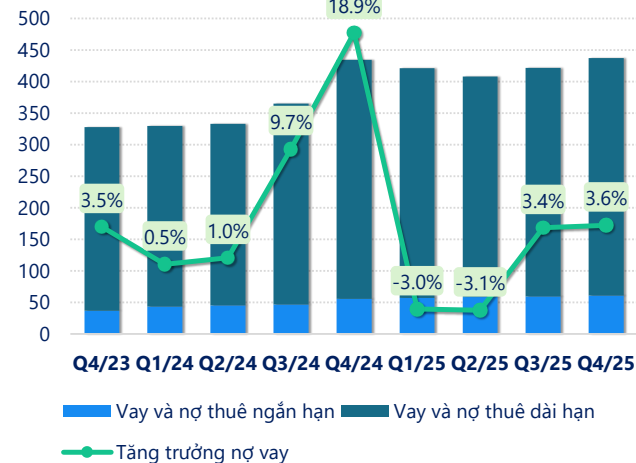
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

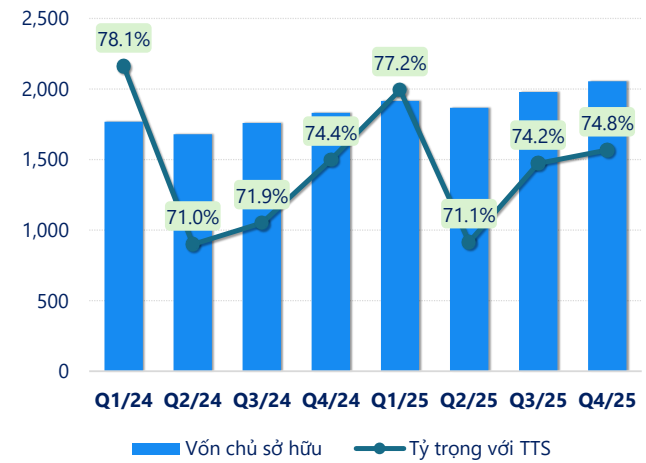
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

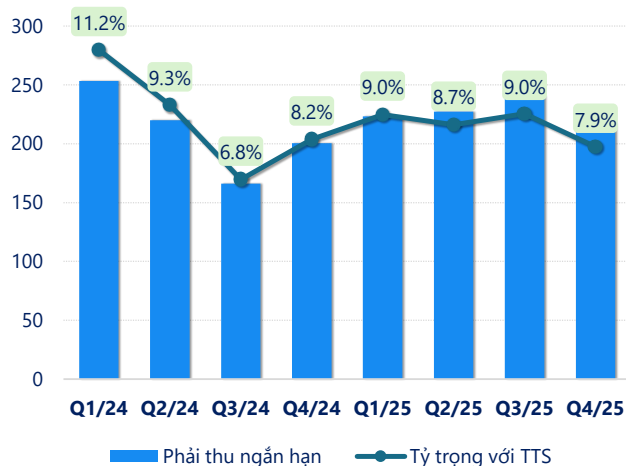
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



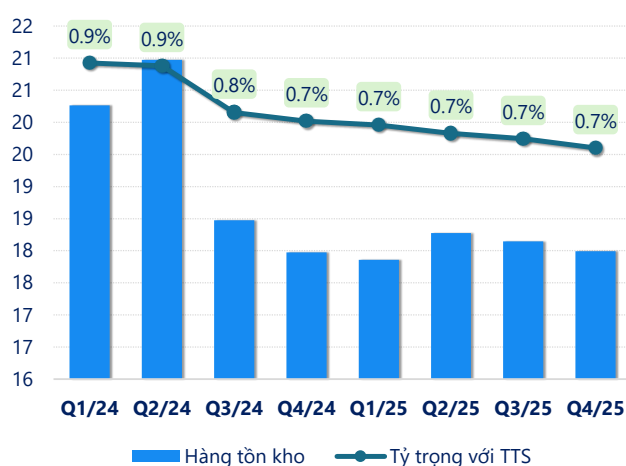
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


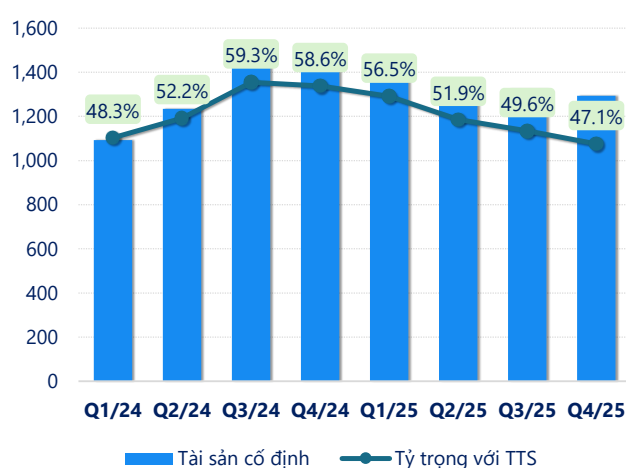
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


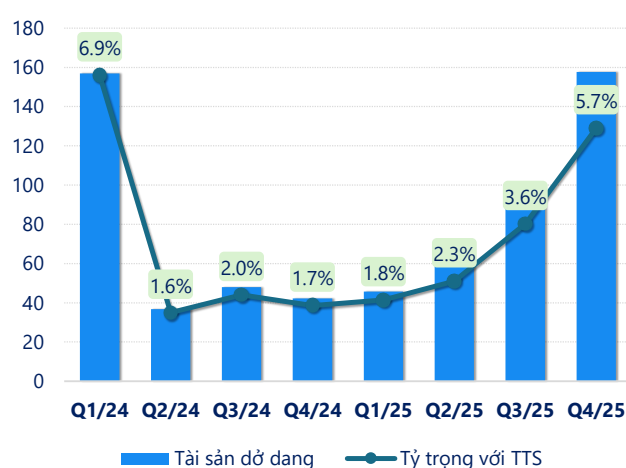
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

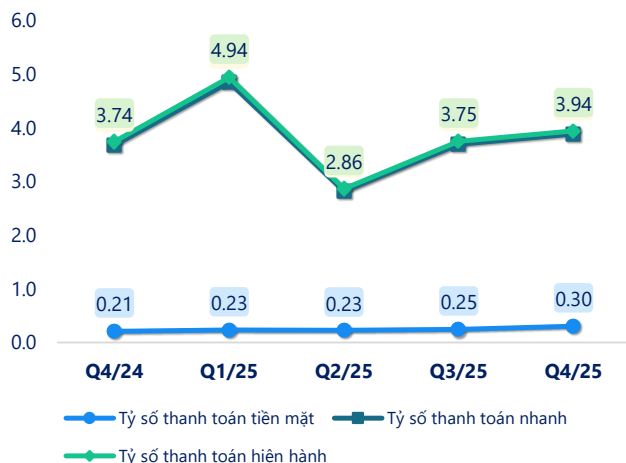
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,460	2,481	2,626	2,666	2,748
Tài sản ngắn hạn	940	1,001	1,171	1,214	1,249
Tiền và tương đương tiền	52.3	46.7	92.3	79.6	96.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	595	628	756	809	851
Phải thu ngắn hạn	201	223	227	241	217
Hàng tồn kho	18.0	17.9	18.3	18.1	18.0
Tài sản ngắn hạn khác	74.9	85.0	77.2	66.9	67.0
Tài sản dài hạn	1,520	1,481	1,455	1,452	1,499
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,440	1,401	1,362	1,323	1,293
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	42.2	45.7	59.6	95.1	158
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	30.1	30.1	30.1	30.1
Tài sản dài hạn khác	5.18	4.17	3.27	3.69	18.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	630	567	758	687	693
Nợ ngắn hạn	251	203	409	324	317
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.5	57.0	58.5	59.2	60.6
Phải trả người bán ngắn hạn	60.7	40.7	36.3	44.0	73.0
Nợ dài hạn	379	364	349	363	376
Vay và nợ thuê dài hạn	379	364	349	363	376
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,830	1,915	1,868	1,980	2,055
Vốn chủ sở hữu	1,830	1,915	1,868	1,980	2,055
Vốn điều lệ	990	990	990	990	990
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)